

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ
KHÓA VI - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Trị về giao dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Trị về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 24/10/2019 của HĐND thị xã Quảng Trị về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2019 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2019 của HĐND thị xã Quảng Trị về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2019 - 2020 (lần 2);

Xét Tờ trình số 1515/TTr-UBND ngày 16/12/2019 của UBND thị xã về việc đề nghị thông qua các Nghị quyết tại kỳ họp thứ 11, Hội đồng nhân dân thị xã Quảng Trị Khóa VI, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của đại biểu HĐND thị xã tham gia tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách năm 2020 do thị xã quản lý và danh mục các công trình, dự án với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng vốn đầu tư năm 2020 do ngân sách thị xã quản lý: 67.099 triệu đồng (Sáu mươi bảy tỷ, không trăm chín mươi chín triệu đồng).

Bao gồm:

- | | |
|-----------------------------------|-------------------|
| - Vốn ngân sách cân đối: | 4.605 triệu đồng |
| - Vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất: | 35.494 triệu đồng |

- Thanh lý tài sản (Nguồn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu từ thanh lý một số trụ sở của thị xã): 27.000 triệu đồng

Trong đó:

+ Hoàn trả lại nguồn đã chi trong kế hoạch đầu tư 2019: 8.575 triệu đồng

+ Phân bổ kế hoạch năm 2020: 18.425 triệu đồng

2. Tổng vốn đầu tư do ngân sách thị xã quản lý phân bổ cho các công trình, dự án: **58.524** triệu đồng (Năm mươi tám tỷ, năm trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Bao gồm:

- Vốn ngân sách cân đối: 4.605 triệu đồng

- Vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất: 35.494 triệu đồng

- Thanh lý tài sản (Nguồn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu từ thanh lý một số trụ sở của thị xã): 18.425 triệu đồng

3. Danh mục các công trình, dự án; vốn phân bổ cho từng các công trình, dự án theo phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

4. Thông qua các giải pháp thực hiện kế hoạch vốn XDCB với một số nội dung chủ yếu sau:

a) Quán triệt và tổ chức thực hiện đúng quy định Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

b) Tập trung hoàn thành các quy trình, thủ tục, hồ sơ các trụ sở Phòng Kinh tế, trụ sở Phòng TC - KH, Trụ sở Đảng ủy - UBND Phường 3, Trạm Y tế phường An Đôn và các trụ sở khác theo đúng quy hoạch sử dụng đất để tổ chức đấu giá theo đúng các quy định của Nhà nước về đấu giá, thanh lý tài sản. Chỉ đạo triển khai sớm kế hoạch đấu giá khai thác quỹ đất, đảm bảo đủ nguồn theo kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2019 - 2020 đã được phê duyệt.

c) Các đơn vị, chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện ngay từ khi được giao kế hoạch. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động đấu thầu, thi công xây dựng công trình. Nghiêm túc áp dụng công tác đấu thầu qua mạng theo lộ trình đã được Chính phủ quy định và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 nhằm tăng tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

d) Đẩy nhanh tiến độ thi công công trình: Khu đô thị mới Võ Thị Sáu (giai đoạn 2) nhằm phục vụ khai thác quỹ đất năm 2020 và những năm tiếp theo. Tập trung chỉ đạo việc đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị thị xã Quảng Trị với 9 tuyến đường giao thông: Ngô Thị Nhậm, Nguyễn Trường Tộ (phần còn lại), Lê Thế Tiết, Bùi Dục Tài, Kiệt 116 Hai Bà Trưng, Nguyễn Đình Chiêu, Ngô Quyền, Nguyễn Hoàng (đoạn qua phường 1), Nguyễn Bình Khiêm (thoát nước); 5 tuyến điện: An Đôn (Bách Đằng), Nguyễn

Bình Khiêm, Hồ Xuân Hương, Lê Hồng Phong (đoạn nối dài), Nguyễn Đình Chiểu. Tiếp tục triển khai thi công công trình: Kênh tiêu úng Như Lệ theo kế hoạch vốn của tỉnh. Chỉ đạo triển khai các công trình khởi công mới năm 2020, ưu tiên công trình chào mừng Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

e) Tiếp tục bố trí nguồn thu từ khai thác quỹ đất nhỏ lẻ của các phường, xã để đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn phường, xã. Rà soát, kịp thời điều chỉnh kế hoạch vốn đã bố trí cho các công trình nhưng không thực hiện hết sang cho các công trình còn thiếu vốn. Tăng cường công tác tìm tòi từ nguồn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ khác để xây dựng các thiết chế văn hóa, chỉnh trang đô thị.

f) Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn thị xã Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 theo hướng dẫn và kế hoạch của tỉnh. Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư của các công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025, nhất là các công trình do UBND tỉnh quyết định đầu tư và công trình khai thác quỹ đất.

g) Tổ chức tốt công tác giám sát của cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn theo đúng quy định.

Điều 2. Giao UBND thị xã tổ chức thực hiện kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách do thị xã quản lý năm 2020. Chủ động vận động, thu hút nguồn để tăng thêm nguồn vốn xây dựng cơ bản, tiếp tục bổ sung, cân đối cho các nhu cầu đầu tư phát triển của thị xã.

Thường trực HĐND thị xã, các ban HĐND, đại biểu HĐND thị xã phối hợp với Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã và các đoàn thể chính trị - xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thị xã Quảng Trị khoá VI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTV Thị ủy;
- TT HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- UBMTTQVN thị xã;
- Các đại biểu HĐND thị xã;
- Các cơ quan, đoàn thể thị xã;
- UBND các phường, xã;
- Trang thông tin điện tử thị xã;
- Lưu: VT, LT.



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Phong

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2019)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí đến 31/12/2019					Kế hoạch vốn năm 2020					Ghi chú		
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2019	Tổng số	Chia theo nguồn vốn					Tổng số	Chia theo nguồn vốn					
							XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Nguồn thanh lý tài sản	Bố trí vượt thu 2018	Nguồn khác		XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thanh lý tài sản (Nguồn tinh hỗ trợ có mục tiêu từ đầu giá thanh lý một số trụ sở của thị xã)			
															Tổng số		KH 2019 chuyển sang	KHV 2020
TỔNG CỘNG:				267.952	128.370	136.421	9.273	70.277	24.500	11.481	20.890	58.524	4.605	35.494	18.425	3.425	15.000	
PHẦN I: ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN				267.952	128.370	135.521	8.973	69.977	24.200	11.481	20.890	57.224	4.305	34.594	18.325	3.425	14.900	
A	GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO			14.250	14.289	11.700	1.250	300	-	-	10.150	2.530	650	1.880	-	-	-	
I	BQL DA ĐTXD và phát triển quỹ đất thị xã QT			8.173	8.212	7.950	1.250	300	-	-	6.400	260	101	159	-	-	-	
1	Trường Mầm non Thành Cổ	2017-2019	1349/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	3.430	3.488	3.400	600	300			2.500	87		87	-			
2	Trường Mầm non Hoa Phượng	2017-2019	1348/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	2.533	2.523	2.450	500			1.950	72		72	-				
3	Trường THCS Lương Thế Vinh	2017-2019	1346/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	2.210	2.201	2.100	150			1.950	101	101		-				
II	Ban QLDAXDCT Tưởng niệm các AHLS			6.077	6.077	3.750	-	-	-	-	3.750	2.270	549	1.721	-	-	-	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2019	Lũy kế bố trí đến 31/12/2019					Kế hoạch vốn năm 2020					Ghi chú		
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Chia theo nguồn vốn					Tổng số	Chia theo nguồn vốn					
							XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Nguồn thanh lý tài sản	Bố trí vượt thu 2018	Nguồn khác		XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thanh lý tài sản (Nguồn tinh hỗ trợ có mục tiêu từ đầu giá thanh lý một số trụ sở của thị xã)			
															Tổng số		KH 2019 chuyển sang	KHV 2020
4	Trường MN Hương Sen	2019 - 2020	696/QĐ-UBND ngày 31/5/2018, 460/QĐ-UBND ngày 7/5/2019	6.077	6.077	3.750					3.750	2.270	549	1.721				Điều chỉnh từ nguồn bố trí các trường học
B	LĨNH VỰC AN NINH-TTATXH			1.384	1.380	1.000	-	-	500	-	500	380	-	380	-	-	-	
I	Công an thị xã			1.384	1.380	1.000	-	-	500	-	500	380	-	380	-	-	-	
1	Trụ sở công an; Hạng mục: Công, tường rào (Hỗ trợ)		1326/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	1.384	1.380	1.000			500		500	380		380	-			
C	LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG			1.243	1.043	3.735	1.435	1.900	400	-	-	3.284	600	1.166	1.518	500	1.018	
I	BQL DA ĐTXD và phát triển quỹ đất thị xã QT			750	690	2.900	1.100	1.400	400	-	-	2.566	600	866	1.100	500	600	
1	Đối ứng dự án ODA					2.500	1.100	1.400				1.200	600		600		600	
2	Hệ thống kênh tiêu thoát nước khu phố 3,4,5 phường An Đôn					-						200		200	-			Chuẩn bị đầu tư
3	Hệ thống thoát nước Chợ thị xã	2019-2020	1433/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	750	690	400			400			350		350	-			
4	Hệ thống thoát nước dọc đường Trần Bình Trọng (đoạn từ cầu qua kênh Nam Thạch Hãn đến đường tránh QL1A)					-						816		316	500	500		Bố trí từ dự phòng các nhiệm vụ phát sinh 700; Hạ tầng dân cư PB Châu 116tr

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2019	Lũy kế bố trí đến 31/12/2019					Kế hoạch vốn năm 2020					Ghi chú		
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Chia theo nguồn vốn						
							XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Nguồn thanh lý tài sản	Bố trí vượt thu 2018		Nguồn khác	XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thanh lý tài sản (Nguồn tinh hỗ trợ có mục tiêu từ đầu giá thanh lý một số trụ sở của thị xã)			
															Tổng số		KH 2019 chuyển sang	KHV 2020
II	UBND Phường 1			493	353	135	135	-	-	-	-	218	-	-	218	-	218	
5	Chống úng cục bộ tổ 5 - KP 4 - Phường 1	2018	1430/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 và 785 ngày 09/6/2018	493	353	135	135					218			218		218	
III	Các cơ quan đơn vị			-	-	700	200	500	-	-	-	500	-	300	200	-	200	
6	Chống úng cục bộ các phường xã					700	200	500				500		300	200		200	
D	LĨNH VỰC KINH TẾ			235.133	99.277	109.775	2.916	64.319	22.000	10.500	10.040	42.841	1.505	28.306	13.030	2.925	10.105	
D.I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			137.510	48.835	48.385	1.200	17.145	17.500	2.500	10.040	24.170	770	13.900	9.500	500	9.000	-
I	BQL DA ĐTXD và phát triển quỹ đất thị xã QT			136.785	48.835	48.385	1.200	17.145	17.500	2.500	10.040	23.170	370	13.800	9.000	500	8.500	
1	Nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị	2018-2020	275/QĐ-UBND ngày 06/02/2018	119.679	42.500	42.500		15.500	14.500	2.500	10.000	17.500		8.500	9.000	500	8.500	Hoàn trả tam ứng cho quỹ phát triển đất tỉnh 4,5 tỷ đồng
2	Mở rộng QL 1A đoạn qua thị xã Quảng Trị; Hạng mục: Hoàn trả mặt đường	2018-2019	1432/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thị xã Quảng Trị	2.872	2.600	2.500		500	2.000			370	370		-			
3	Đường Nguyễn Bình Khiêm	2018-2019	191/QĐ-UBND ngày 01/3/2016	3.144	2.085	2.085	900	1.145			40	400		400	-			

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2019	Lũy kế bố trí đến 31/12/2019					Kế hoạch vốn năm 2020					Ghi chú		
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Chia theo nguồn vốn					Tổng số	Chia theo nguồn vốn					
							XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Nguồn thanh lý tài sản	Bố trí vượt thu 2018	Nguồn khác		XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thanh lý tài sản (Nguồn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu từ đầu giá thanh lý một số trụ sở của thị xã)			
															Tổng số		KH 2019 chuyển sang	KHV 2020
4	Hệ thống đường giao thông khu dân cư phía Tây đường Nguyễn Trường Tộ	2019-2021	1161/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.876	-						3.000		3.000	-				
5	Đường giao thông khu dân cư Bầu De (Đường Trần Cao Vân)	2019-2021	1431/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	739	650	300	300				400		400	-				
6	Đường giao thông phường An Đôn	2019-2020	1428/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	2.475	1.000	1.000		1.000			1.500		1.500	-				
II	Các cơ quan đơn vị			725	-	-	-	-	-	-	1.000	400	100	500	-	500		
7	Bê tông giao thông nội phường										500	400	100	-				
8	Cải tạo, chỉnh trang hồ trồng cây đường Trần Hưng Đạo			725							500			500		500	Bố trí từ công trình Hệ thống công sự tràn địa	
D.II	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT- ĐIỆN, CÔNG NGHIỆP			95.423	50.442	61.390	1.716	47.174	4.500	8.000	-	17.471	735	13.906	2.830	1.925	905	
I	BQL DA ĐTXD và phát triển quỹ đất thị xã QT			83.277	44.842	54.474	-	43.974	3.500	7.000	-	11.475	-	9.870	1.605	1.000	605	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu văn hóa - thể dục thể thao và cụm dân cư phía Tây đường Phan Bội Châu	2016-2017	672/QĐ-UBND ngày 10/6/2016	1.703	1.571	1.474		1.474				100		100	-			đính giảm chuyển sang ctr Hệ thống thoát nước dọc đường Trần Bình Trọng 116tr

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2019	Lũy kế bố trí đến 31/12/2019					Kế hoạch vốn năm 2020					Ghi chú		
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Chia theo nguồn vốn					Tổng số	Chia theo nguồn vốn					
							XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Nguồn thanh lý tài sản	Bố trí vượt thu 2018	Nguồn khác		XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thanh lý tài sản (Nguồn tính hỗ trợ có mục tiêu từ đầu giá thanh lý một số trụ sở của thị xã)			
															Tổng số		KH 2019 chuyển sang	KHV 2020
2	Cơ sở hạ tầng khu quy hoạch bố trí tái định cư của dự án tuyến đường tránh QL 1A	2016-2018	959/QĐ-UBND ngày 01/6/2016	42.711	40.711	38.000		29.000	2.000	7.000		2.000		1.000	1.000	1.000		
3	Cơ sở hạ tầng khu đô thị mới Võ Thị Sáu (giai đoạn 2)	2018-2020	1423/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	37.026	1.400	14.000		13.000	1.000			7.370		7.370	-		hoàn trả tam ứng cho quỹ phát triển đất tỉnh 2,1 tỷ đồng	
4	Cơ sở hạ tầng khu quy hoạch dân cư của công ty Lương thực. Giai đoạn 3:											980		500	480	480		
5	Cơ sở hạ tầng khu quy hoạch Bắc Nguyễn Trãi											300		300	-		Chuẩn bị đầu tư	
6	Công trang trí điện tử ngang đường	2019-2020	1410/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	1.180	1.160	1.000		500	500			100		100	-			
7	Hệ thống điện chiếu sáng đường Lê Lợi- Nguyễn Viết Xuân	2020	1133/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	657								625		500	125	125		
II	TT phát triển cụm CN & KC			12.146	5.600	5.600	400	3.200	1.000	1.000	-	1.500	-	1.500	-	-	-	
8	Cụm Công nghiệp Hải Lệ; Hạng mục: San nền	2017-2020	1261/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 và 691 ngày 31/5/2018	12.146	5.600	5.600	400	3.200	1.000	1.000		1.500		1.500	-			
III	Các cơ quan đơn vị			-	-	1.316	1.316	-	-	-	-	4.496	735	2.536	1.225	925	300	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2019	Lũy kế bố trí đến 31/12/2019					Kế hoạch vốn năm 2020					Ghi chú	
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Chia theo nguồn vốn					
							XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Nguồn thanh lý tài sản	Bổ trí vượt thu 2018		Nguồn khác	XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thanh lý tài sản (Nguồn tinh hỗ trợ có mục tiêu từ đầu giá thanh lý một số trụ sở của thị xã)		
															Tổng số		KH 2019 chuyển sang
9	Chuẩn bị đầu tư (Bao gồm cả quyết toán vốn đầu tư hoàn thành)				-						500	200	300		300		
10	Dự phòng các nhiệm vụ phát sinh				-						300	300	-			bổ trí cho Hệ thống thoát nước dọc đường Trần Bình Trọng	
11	Giải phóng mặt bằng				716	716					2.996	735	1.336	925	925	năm 2019 chuyển sang chưa thực hiện 925tr nguồn TLTS	
12	Điện chiếu sáng hẻm kiệt				600	600					700	700	-				
D.III	NÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ			2.200	-	-	-	-	-	-	1.200	-	500	700	500	200	
I	Phòng Kinh tế			2.000	-	-	-	-	-	-	1.000	-	500	500	500	-	
1	Hạ tầng quy hoạch trồng cây ăn quả	2020-2021		2.000	-	-	-	-	-	-	1.000	-	500	500	500		năm 2019 chuyển sang chưa thực hiện
II	Các cơ quan đơn vị			200	-	-	-	-	-	-	200	-	-	200	-	200	
2	Hạ tầng phát triển du lịch			200	-	-	-	-	-	-	200	-	-	200	-	200	
E	LĨNH VỰC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH			14.343	11.841	9.311	3.372	3.458	1.300	981	200	7.089	1.450	1.862	3.777	-	3.777
I	Văn phòng Thị ủy			3.354	2.450	2.350	850	1.500	-	-	-	1.050	250	500	300	-	300

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2019	Lũy kế bố trí đến 31/12/2019					Kế hoạch vốn năm 2020					Ghi chú	
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Chia theo nguồn vốn					Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
							XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Nguồn thanh lý tài sản	Bố trí vượt thu 2018	Nguồn khác		XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thanh lý tài sản (Nguồn tinh hỗ trợ có mục tiêu từ đầu giá thanh lý một số trụ sở của thị xã)		
															Tổng số		KH 2019 chuyển sang
1	Trụ sở làm việc Thị ủy; Hạng mục: Phòng họp hội nghị	2017-2018	524/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 và 1805 ngày 08/12/2017	1.854	1.850	1.850	850	1.000				50	50				
2	Nâng cấp trụ sở Thị ủy; Hạng mục: Công, trường rào		1353/QĐ-UBND ngày 12/10/2018	1.500	600	500		500				1.000	200	500	300		300
II	UBND Phường 1			2.368	2.300	2.200	1.092	958	-	150	-	300	-	-	300	-	300
3	Trụ sở UBND phường 1	2017-2018	1325/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	2.368	2.300	2.200	1.092	958		150		300			300		300
III	UBND Phường 2			1.667	1.660	630	630	-	-	-	-	180	-	-	180	-	180
4	Trụ sở UBND phường 2	2017-2018	1271/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	1.667	1.660	630	630					180			180		180
IV	UBND Phường 3			4.850	4.241	3.059	800	1.000	1.000	259	-	1.541	-	544	997	-	997
5	Trụ sở UBND phường 3	2018-2019	1405/QĐ-UBND ngày 19/10/2017; 1250/QĐ-UBND ngày 28/11/2019	4.850	4.241	3.059	800	1.000	1.000	259		1.541		544	997		997
V	UBND xã Hải Lệ			1.193	1.190	872	-	-	300	572	-	318	200	118	-	-	-
6	Trụ sở UBND xã Hải Lệ	2018-2019	433/QĐ-UBND ngày 23/03/2018	1.193	1.190	872			300	572		318	200	118			

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2019	Lũy kế bố trí đến 31/12/2019					Kế hoạch vốn năm 2020					Ghi chú	
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Chia theo nguồn vốn					Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
							XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Nguồn thanh lý tài sản	Bố trí vượt thu 2018	Nguồn khác		XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thanh lý tài sản (Nguồn tính hỗ trợ có mục tiêu từ đầu giá thanh lý một số trụ sở của thị xã)		
															Tổng số		KH 2019 chuyển sang
VI	UBMTTQVN			911	-	200	-	-	-	200	700	-	700	-	-	-	
7	Nâng cấp cải tạo Trụ sở UBMT TQVN thị xã và các đoàn thể chính trị-xã hội		1695/QĐ-UBND ngày 25/12/2018	911		200				200	700		700				BS từ nguồn bố trí Nhà VH khu phố
VII	BQL DA ĐTXD và phát triển quỹ đất thị xã QT			-	-	-	-	-	-	-	3.000	1.000	-	2.000	-	2.000	
17	Trụ sở làm việc các phòng ban			-	-	-	-	-	-	-	3.000	1.000	-	2.000	-	2.000	
F	VĂN HÓA THỂ THAO			1.599	540	-	-	-	-	-	1.100	100	1.000	-	-	-	
I	UBND xã Hải Lệ			549	540	-	-	-	-	-	100	100	-	-	-	-	
1	Trung tâm thể thao xã Hải Lệ	2015	452/QĐ-UBND ngày 29/06/2015	549	540	-	-	-	-	-	100	100	-	-	-	-	
II	Các cơ quan đơn vị			1.050	-	-	-	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	
2	Nhà luyện tập thi đấu đa năng			-	-	-	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	Chuẩn bị đầu tư
3	Nhà văn hóa khu phố 7 - Phường 3	2020		1.050	-	-	-	-	-	-	700	-	700	-	-	-	
	PHẦN II: ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC			-	-	900	300	300	300	-	-	1.300	300	900	100	-	100
A	LĨNH VỰC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH			-	-	300	300	-	-	-	300	300	-	-	-	-	-
I	Phòng Kinh tế			-	-	300	300	-	-	-	300	300	-	-	-	-	-

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2019	Lũy kế bố trí đến 31/12/2019					Kế hoạch vốn năm 2020					Ghi chú		
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Chia theo nguồn vốn					Tổng số	Chia theo nguồn vốn					
							XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Nguồn thanh lý tài sản	Bố trí vượt thu 2018	Nguồn khác		XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thanh lý tài sản (Nguồn tinh hỗ trợ có mục tiêu từ đầu giá thanh lý một số trụ sở của thị xã)			
															Tổng số		KH 2019 chuyển sang	KHV 2020
1	Khoa học công nghệ				300	300					300	300		-				
B	LĨNH VỰC KINH TẾ			-	-	600	-	300	300	-	-	1.000	-	900	100	-	100	-
I	Phòng TNMT			-	-	-	-	-	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-
1	Đo đạc địa chính, quy hoạch sử dụng đất											400		400				
II	Phòng Quản lý đô thị			-	-	-	-	-	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-
2	Quy hoạch phân lô											400		400				
III	Các cơ quan đơn vị			-	-	600	-	300	300	-	-	200	-	100	100	-	100	-
3	Kinh phí phục vụ đấu giá đất, tài sản					600		300	300			200		100	100		100	

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2019)

DVT: Triệu đồng

T T	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó											
			Chi giáo dục - đào tạo và đạy nghề (070)	Chi quốc phòng (010)	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội (040)	Chi văn hóa thông tin (160)	Chi thể dục thể thao (220)	Chi bảo vệ môi trường (250)	Chi các hoạt động kinh tế (280)	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể (340)	Chi đầu tư khác (nguồn SN)
										Chi giao thông (282)	Chi hạ tầng kỹ thuật - điện, công nghiệp	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp thủy hải sản, dịch vụ		
	TỔNG CỘNG:	58.524	2.530	-	380	700	400	3.284	42.841	24.170	17.471	1.200	7.089	1.300
I	Nguồn Ngân sách cân đối	4.605	650	-	-	-	100	600	1.505	770	735	-	1.450	300
1	BQL DA ĐTXD và phát triển quỹ đất thị xã QT	2.071	101	-	-	-	-	600	370	370	-	-	1.000	-
	Trường THCS Lương Thế Vinh	101	101						-					
	Mở rộng QL 1A đoạn qua thị xã Quảng Trị; Hạng mục: Hoàn trả mặt đường	370							370	370				
	Đổi ứng dự an ODA	600						600	-					
	Trụ sở làm việc các phòng ban	1.000							-				1000	
2	Ban QLDAXDCT Tưởng niệm các AHLS	549	549	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trường MN Hương Sen	549	549						-					
3	UBND xã Hải Lệ	300	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-	200	-
	Trung tâm thể thao xã Hải Lệ	100					100		-					
	Trụ sở UBND xã Hải Lệ	200							-				200	
4	Văn phòng Thị ủy	250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	250	-
	Trụ sở làm việc Thị ủy; Hạng mục: Phòng họp hội nghị	50							-				50	

T T	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó											
			Chi giáo dục - đào tạo và đạy nghề (070)	Chi quốc phòng (010)	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội (040)	Chi văn hóa thông tin (160)	Chi thể dục thể thao (220)	Chi bảo vệ môi trường (250)	Chi các hoạt động kinh tế (280)	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể (340)	Chi đầu tư khác (nguồn SN)
										Chi giao thông (282)	Chi hạ tầng kỹ thuật - điện, công nghiệp	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp thủy hải sản, dịch vụ		
	Nâng cấp trụ sở Thị ủy; Hạng mục: Cổng, tường rào	200							-				200	
5	Phòng Kinh tế	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300
	Khoa học công nghệ	300							-					300
6	Các cơ quan đơn vị phường xã	1.135	-	-	-	-	-	-	1.135	400	735	-	-	-
	Bê tông giao thông nội phường	400							400	400				
	Giải phóng mặt bằng	735							735		735			
II	Nguồn khai thác quỹ đất	35.494	1.880	-	380	700	300	1.166	28.306	13.900	13.906	500	1.862	900
1	BQL DA ĐTXD và phát triển quỹ đất thị xã QT	26.716	1.880	-	-	-	300	866	23.670	13.800	9.870	-	-	-
	Trường MN Thành Cô	87	87						-					
	Trường MN Hoa Phượng	72	72						-					
	Trường MN Hương Sen	1.721	1.721						-					
	Nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị	8.500							8.500	8.500				
	Đường Nguyễn Bình Khiêm	400							400	400				
	Hệ thống đường giao thông khu dân cư phía Tây đường Nguyễn Trường Tộ	3.000							3.000	3.000				
	Đường giao thông khu dân cư Bàu De (Đường Trần Cao Vân)	400							400	400				
	Đường giao thông phường An Đôn	1.500							1.500	1.500				

T T	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó										Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể (340)	Chi đầu tư khác (nguồn SN)
			Chi giáo dục - đào tạo và đạy nghề (070)	Chi quốc phòng (010)	Chi an nhinh và trật tự an toàn xã hội (040)	Chi văn hóa thông tin (160)	Chi thể dục thể thao (220)	Chi bảo vệ môi trường (250)	Chi các hoạt động kinh tế (280)	Trong đó				
										Chi giao thông (282)	Chi hạ tầng kỹ thuật - điện, công nghiệp	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp thủy hải sản, dịch vụ		
	Hạ tầng kỹ thuật khu văn hóa - thể dục thể thao và cụm dân cư phía Tây đường Phan Bội Châu	100						100				100		
	Cơ sở hạ tầng khu quy hoạch bố trí tái định cư của dự án tuyến đường tránh QL 1A	1.000						1.000				1.000		
	Cơ sở hạ tầng khu đô thị mới Võ Thị Sáu (giai đoạn 2)	7.370						7.370				7.370		
	Cơ sở hạ tầng khu quy hoạch dân cư của công ty Lương thực. Giai đoạn 3:	500						500				500		
	Cơ sở hạ tầng khu QH Bắc Nguyễn Trãi	300						300				300		
	Công trang trí điện tử ngang đường	100						100				100		
	Hệ thống điện chiếu sáng đường Lê Lợi- Nguyễn Việt Xuân	500						500				500		
	Hệ thống kênh tiêu thoát nước khu phố 3,4,5 phường An Đôn	200						200				-		
	Hệ thống thoát nước Chợ thị xã	350						350				-		
	Hệ thống thoát nước dọc đường Trần Bình Trọng (đoạn từ cầu qua kênh Nam Thạch Hãn đến đường tránh QL1A)	316						316				-		
	Nhà luyện tập thi đấu đa năng	300						300				-		
2	UBMT TQVN thị xã QT	700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	700	-
	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa UBMT TQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội thị xã	700											700	
3	Trung tâm PT cụm Công nghiệp và Khuyến công	1.500	-	-	-	-	-	-	1.500	-	1.500	-	-	-
	Cụm Công nghiệp Hải Lệ. Hạng mục: San nền	1.500							1.500		1.500			

T T	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó											
			Chi giáo dục - đào tạo và đạy nghề (070)	Chi quốc phòng (010)	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội (040)	Chi văn hóa thông tin (160)	Chi thể dục thể thao (220)	Chi bảo vệ môi trường (250)	Chi các hoạt động kinh tế (280)	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể (340)	Chi đầu tư khác (nguồn SN)
										Chi giao thông (282)	Chi hạ tầng kỹ thuật - điện, công nghiệp	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp thủy hải sản, dịch vụ		
	Điện chiếu sáng hẻm kiệt	700						700		700				
	Bê tông giao thông nội phường	100						100	100					
	Giải phóng mặt bằng	1.336						1.336		1.336				
	Chuẩn bị đầu tư (Bao gồm cả quyết toán vốn đầu tư hoàn thành)	200						200		200				
	Dự phòng các nhiệm vụ phát sinh	300						300		300				
	Kinh phí phục vụ đấu giá đất, tài sản	100						-						100
III	Nguồn thanh lý tài sản (Nguồn tính hỗ trợ có mục tiêu từ đầu giá thanh lý một số trụ sở của thị xã)	18.425	-	-	-	-	-	1.518	13.030	9.500	2.830	700	3.777	100
III.1	Nguồn TLTS KH 2019 chuyển sang	3.425	-	-	-	-	-	500	2.925	500	1.925	500	-	-
1	BQL DA ĐTXD và phát triển quỹ đất thị xã QT	2.000	-	-	-	-	-	500	1.500	500	1.000	-	-	-
	Nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị	500						500	500					
	Cơ sở hạ tầng khu quy hoạch bố trí tái định cư của dự án tuyến đường tránh QL 1A	1.000						1.000		1.000				
	Hệ thống thoát nước dọc đường Trần Bình Trọng (đoạn từ cầu qua kênh Nam Thạch Hãn đến đường tránh QL1A)	500						500	-					
2	Phòng Kinh tế	500	-	-	-	-	-	-	500	-	-	500	-	-
	Hạ tầng quy hoạch trồng cây ăn quả	500						500			500			
3	Các cơ quan đơn vị phường xã	925	-	-	-	-	-	-	925	-	925	-	-	-

T T	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó										Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể (340)	Chi đầu tư khác (nguồn SN)
			Chi giáo dục - đào tạo và đạy nghề (070)	Chi quốc phòng (010)	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội (040)	Chi văn hóa thông tin (160)	Chi thể dục thể thao (220)	Chi bảo vệ môi trường (250)	Chi các hoạt động kinh tế (280)	Trong đó				
										Chi giao thông (282)	Chi hạ tầng kỹ thuật - điện, công nghiệp	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp thủy hải sản, dịch vụ		
	Trụ sở UBND phường 3	997						-					997	
6	Các cơ quan đơn vị phường xã	1.300	-	-	-	-	-	200	1.000	500	300	200	-	100
	Chống úng cục bộ các phường xã	200						200	-					
	Cải tạo, chỉnh trang hồ trồng cây đường Trần Hưng Đạo	500							500	500				
	Hạ tầng phát triển du lịch	200							200			200		
	Chuẩn bị đầu tư (Bao gồm cả quyết toán vốn đầu tư hoàn thành)	300							300		300			
	Kinh phí phục vụ đấu giá đất, tài sản	100							-					100